

## I. THÔNG TIN SẢN PHẨM

- Tên thương phẩm: Aceton
- Ứng dụng:
- Công thức hóa học: C<sub>3</sub>H<sub>6</sub>O
- Từ đồng nghĩa : 2-propanone; Dimethyl Ketone; Dimethylformaldehyde; Pyroacetic Acid

## II. THÀNH PHẦN

Thành phần	Phần trăm theo trọng lượng	Số CAS
Aceton	100%	67-64-1

Dữ liệu độc tính theo thành phần: QUA ĐƯỜNG MIỆNG: (LD50) độc cấp tính 5800 mg/kg (đối với chuột cống), 3000 mg/kg (đối với chuột bạch), 5340 mg/kg (đối với thỏ); DẠNG HƠI (LC50): độc cấp tính 50100 mg/m trong 8 giờ (đối với chuột cống), 44000 mg/m trong 4 giờ (đối với chuột bạch)

## III. NHẬN DẠNG MỐI NGUY

**Độc cấp tính tiềm tàng:** Nguy hại trong trường hợp tiếp xúc trực tiếp với da (kích ứng), mắt (kích ứng), nuốt phải, hít phải. Nguy hại nhẹ trong trường hợp tiếp xúc trực tiếp với da (theo dạng thấm thấu qua da)

**Độc mãn tính tiềm tàng:**

**Khả năng gây ung thư:** A4 (không phân loại đối với người và động vật) theo ACGIH

**Khả năng gây đột biến gen:** Không

**Gây quái thai:** Không

**Độc tính đối với sự sinh trưởng, phát triển:** Khả năng gây tổn thương cho hệ sinh dục nam và nữ vẫn còn nhiều nghi ngờ

Đây là chất độc đối với hệ thần kinh trung ương. Có thể gây độc cho thận, phổi, da. Tiếp xúc liên tục, lặp lại hoặc lâu dài có thể gây tổn thương đến các cơ quan chính của cơ thể

## IV. BIỆN PHÁP SƠ CẤP CỨU

**Mắt:** Mở to mắt, rửa mắt với nhiều nước, trong vòng ít nhất là 15 phút. Có thể rửa với nước lạnh. Điều trị y tế nếu cần thiết

**Da:** Rửa vùng da bị dính sản phẩm với nước trong vòng ít nhất là 15 phút. Thoa emolient lên vùng da bị kích ứng. Ngay lập tức cởi bỏ trang phục, quần áo, giày dép bị dính sản phẩm và phải được giặt sạch trước khi sử dụng lại. Có thể sử dụng nước lạnh. Chuyển đến trung tâm y tế để được điều trị nếu cần thiết

**Hít phải:** Trong trường hợp tiếp xúc nghiêm trọng với da: Rửa với chất tẩy rửa nhẹ và thoa kem chống nhiễm khuẩn lên vùng da bị tổn thương, sau đó điều trị y tế.

Chuyển nạn nhân ra khu vực thoáng khí. Nếu nạn nhân không thở được, tiến hành hô hấp nhân tạo. Nếu nạn nhân bị khó thở, cho nạn nhân thở oxy. Để nạn nhân nghỉ ngơi, giữ ấm và tìm sự hỗ trợ y tế nếu thấy có dấu hiệu bất thường

Trường hợp hít phải sản phẩm ở nồng độ cao: di chuyển nạn nhân đến khu vực an toàn ngay lập tức. Nới lỏng quần áo, thắt lưng, cà vạt.... Nếu nạn nhân khó thở, cung cấp thiết bị hỗ trợ hô hấp. Nếu nạn nhân ngưng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo và tìm sự hỗ trợ y tế

KHÔNG GÂY NỖN cho nạn nhân nếu chưa được đào tạo hoặc không phải là nhân viên y tế. Không đưa bất kỳ vật gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nói lỏng trang phục, thắt lưng, cà vạt. Điều trị y tế nếu có biểu hiện bất thường.

## V. BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

*Tính dễ cháy của sản phẩm:* Chất dễ cháy

*Nhiệt độ tự bắt cháy:* 465oC (869oF)

*Điểm chớp cháy:* Trong bình kín: -20oC (-4oF); Trong bình hở: -9oC (15.8oF)

*Giới hạn dễ cháy:* Thấp hơn 2.6%; Cao hơn 12.8%

*Sản phẩm cháy:* CO và CO2

*Mối nguy cháy khi có sự hiện diện của các chất khác:* Khả năng cháy cao khi có sự hiện diện của ngọn lửa trần, tia lửa hoặc nhiệt

*Mối nguy nổ khi có sự hiện diện của chất khác:* Không xảy ra rủi ro nổ khi thao tác cơ khí. Khả năng nổ nhẹ có thể xảy ra khi có sự hiện diện của ngọn lửa trần, tia lửa, các chất oxy hóa hoặc acid

*Phương tiện và hướng dẫn chữa cháy:* Chất lỏng, dung môi hoặc dạng phân tán trong nước là những hình thức dễ cháy của sản phẩm. **ĐÁM CHÁY NHỎ:** sử dụng bình bột. **ĐÁM CHÁY LỚN:** sử dụng bình chữa cháy dạng bọt cồn, vòi phun nước hoạt phun sương

*Các lưu ý đặc biệt đối với mối nguy cháy:* Hơi sản phẩm có thể phát tán và bay xa trong không khí đến các nguồn bắt cháy và bắt cháy trở lại

*Các lưu ý đặc biệt đối với mối nguy nổ:* Hình thành hỗn hợp nổ với H2O2, CH3COOH, HNO3, HNO2&H2SO4, chromic anhydride, chromyl chloride, nitrosyl chloride, hexachloromelamine, nitrosyl perchlorate, nitryl perchlorate, permonosulfuric acid, thiodiglycal&H2O2, potassium ter-butoxide, sulfur dichloride, 1 - methyl-1,3-butadiene, bromoform, carbon, không khí, chloroform, thitriazylperchlorate.

## VI. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TAI NẠN

*Đổ tràn nhỏ:* Hòa tan với nước và lau dọn sạch sẽ hoặc hấp thụ với vật liệu trơ khô và lưu trữ trong vật chứa chất thải thích hợp.

*Đổ tràn lớn:* Chất lỏng dễ cháy. Giữ xa ngọn lửa, nguồn nhiệt, các nguồn bắt cháy. Tìm cách an toàn để chặn sự rò rỉ. Hấp thụ bằng cát khô hoặc vật liệu khó cháy. Không tiếp xúc với sản phẩm bị đổ tràn. Không để sản phẩm đi vào hệ thống kênh tiêu thoát nước, tầng hầm hoặc khu vực kín, sử dụng vật bao vây khu vực đổ tràn nếu cần thiết. Không để hàm lượng sản phẩm cao hơn giới hạn cho phép (giá trị TLV)

## VII. SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ

*Lưu ý:* Luôn đóng chặt nắp, giữ xa nguồn nhiệt, mối lửa. Nối đất tất cả các thiết bị chứa. Không nuốt sản phẩm. Không hít phải hơi, khói, sương của sản phẩm. Nếu nuốt phải, điều trị y tế ngay lập tức. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Giữ xa các chất không tương thích chẳng hạn các tác nhân oxy hóa, các tác nhân khử, acid, alkali.

*Lưu trữ:* Lưu trữ trong khu vực cho phép và cách ly với các khu vực khác. Giữ thùng chứa trong khu vực mát mẻ, thông gió tốt. Thùng chứa phải được đóng kín và dán kín trong khi chờ sử dụng. Cách ly với ánh sáng mặt trời và nhiệt độ và tránh mối lửa, nguồn nhiệt

## VIII. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO HỘ CÁ NHÂN

<b>Kiểm soát kỹ thuật:</b>	Thông khí cục bộ hoặc kiểm soát kỹ thuật để giữ nồng độ hơi trong không khí thấp hơn giới hạn ngưỡng cho phép. Đảm bảo vòi rửa mắt, vòi tắm hoa sen luôn có sẵn tại khu vực sử dụng sản phẩm
<b>Bảo hộ cá nhân:</b>	Mắt kính chống văng bắn. Áo choàng. Khẩu trang chống hơi khí độc hoặc sản phẩm có chức năng tương tự. Găng tay.
<b>Bảo hộ cá nhân trong trường hợp có đổ tràn lớn:</b>	Kính chống văng bắn. Quần áo bảo hộ, khẩu trang chống hơi khí độc, ủng, găng tay. Thiết bị hỗ trợ hô hấp nên được sử dụng để tránh hít phải hơi sản phẩm. Quần áo bảo hộ có thể không hiệu quả, tham khảo ý kiến chuyên gia trước khi sử dụng
<b>Giới hạn tiếp xúc:</b>	TWA: 500; STEL: 750 (ppm) theo ACGIH (TLV) [Mỹ]; TWA: 750; STEL: 1000 (ppm) theo OSHA (PEL) TWA: 500, STEL: 1000 [Úc]; TWA: 1185, STEL: 2375 (mg/m <sup>3</sup> ) [Anh]; TWA: 1800; STEL: 2400 theo OSHA (PEL) [Mỹ]. Tham khảo chuyên gia tại địa phương để có giá trị giới hạn thích hợp.

**Ghi chú:** TWA - Giới hạn ngưỡng tiếp xúc trung bình trong 8 giờ, STEL: giới hạn ngưỡng tiếp xúc tức thời **IX**.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA HỌC

<b>Trạng thái vật lý:</b>	Chất lỏng, trong, không màu, mùi trái cây/bạc hà/thơm/ete, vị hăng, ngọt
<b>Khả năng hòa tan trong nước:</b>	Tan dễ dàng trong nước
<b>Nhiệt độ sôi:</b>	56.2oC (133.2 oF)
<b>Nhiệt độ nóng chảy:</b>	-95.35 oC (-139.6 oC)
<b>Nhiệt độ chuẩn:</b>	235 oC (455 oC)
<b>Tỷ trọng riêng:</b>	0.79
<b>Áp suất hơi:</b>	24 kPa (ở 20oC)
<b>Tỷ khối hơi:</b>	2
<b>Ngưỡng mùi:</b>	62 ppm

## X. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

<b>Tính ổn định hóa học:</b>	Sản phẩm ổn định trong điều kiện bình thường
<b>Điều kiện cần tránh:</b>	Nhiệt cao, ngọn lửa trần, tia lửa, tiếp xúc với hơi ẩm, không khí, nước, các vật liệu không tương thích.
<b>Không tương thích với các chất khác:</b>	Tính hoạt động với tác nhân oxy hóa, tác nhân khử, các acid, các alkaly
<b>Tính ăn mòn:</b>	Không ăn mòn kiếng





# DHC

## XI. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

**Đường tiếp xúc:**

Hấp thụ qua da, mắt, hô hấp

**Độc với động vật:**

Cảnh báo: Giá trị LC50 sau đây được dự đoán dựa trên thời gian tiếp xúc liên tục 4 giờ. Độc cấp tính (tiếp xúc qua đường miệng) (LD50): 3000 mg/kg (đối với chuột bạch). Độc cấp tính của sản phẩm ở thể hơi (LC50): 44000 mg/m<sup>3</sup> trong 4 giờ (đối với chuột bạch)

**Những ảnh hưởng mãn tính đối với người:**

Gây ung thư: được phân loại A4 (không áp dụng cho con người hoặc động vật) theo ACGIH. Độc đối với sự sinh trưởng, phát triển: được phân loại Hệ sinh dục/độc tính/giống cái, Hệ sinh dục/độc tính/giống đực. Gây tổn thương đến các cơ quan sau: hệ thần kinh trung ương. Có thể gây tổn thương đến: thận, hệ sinh sản, phổi, da

**Các ảnh hưởng độc khác đến người:**

Nguy hại khi tiếp xúc qua da (kích ứng da), nuốt phải hoặc hít phải. Nguy hiểm nhẹ khi tiếp xúc thẩm qua da

**Lưu ý đặc biệt đối với ảnh hưởng mãn tính đối với động vật:**

N/A

**Lưu ý đặc biệt về ảnh hưởng mãn tính đối với người:**

Có thể gây ảnh hưởng đến gen (gây đột biến gen) dựa trên những nghiên cứu đối với nấm men, vi khuẩn, tế bào nguyên bào sợi của chuột hamster. Có thể gây ảnh hưởng đến sinh sản (gây quái thai) đối với nghiên cứu trên động vật. Có thể chứa một lượng vết benzene và formaldehyde có thể gây ung thư và ảnh hưởng đến sinh sản. Đối với con người: có thể truyền từ mẹ sang con khi mang thai

**Lưu ý đặc biệt đối với những ảnh hưởng độc khác đến con người:**

Ảnh hưởng độc cấp tính tiềm ẩn : DA: có thể gây kích ứng da. Có thể có hại nếu được hấp thụ qua da. MẮT: gây kích ứng mắt, với các triệu chứng như bỏng, đỏ mắt, chảy nước mắt, có thể gây tổn thương giác mạc. HÍT PHẢI: Hít phải ở nồng độ cao có thể ảnh hưởng đến các cơ quan cảm giác, não và gây kích ứng ống hô hấp. Có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương với các triệu chứng như thiếu tỉnh táo, choáng váng, đau đầu, mệt mỏi, thiếu sự phối hợp vận động giữa các cơ quan, mê man, bất tỉnh. Hít phải cũng có thể gây ảnh hưởng đến hệ hô hấp. NUỐT PHẢI có thể gây kích ứng đối với ống tiêu hóa. Có thể gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương như suy nhược, mệt mỏi, kích thích, ngớ ngẩn, bất tỉnh, đau đầu, thời gian ngủ thay đổi, mất điều hòa, run, cũng như hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ bài tiết và hệ nội tiết. Có thể gây ảnh hưởng đến hệ cơ xương. Ảnh hưởng mãn tính tiềm tàng: DA: có thể gây dị ứng. MẮT: kích ứng mắt

## XII. THÔNG TIN SINH THÁI

**Độc sinh thái**

Độc sinh thái trong môi trường nước (LC50): 5540 mg/l trong 96 giờ [đối với cá hồi], 8300 mg/L trong 96 giờ [đối với cá thái dương], 7500 mg/l trong 96 giờ [đối với Fatthead Minnow], 0.1 ppm ở thời gian bất kỳ [đối với bọ nước]

**Các sản phẩm phân hủy sinh học:**

Không chần chừ về sự tạo thành các sản phẩm phân hủy nguy hại trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, có thể gia tăng các thành phần nguy hại do sự phân hủy trong thời gian dài

**Độc tính do các sản phẩm phân hủy sinh học:**

Bản thân sản phẩm và sản phẩm phân hủy sinh học thì không độc



# DHC

Dai Hoan Cau Ltd.

### XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ:

1. Thông tin quy định tiêu hủy: Rác thải phải được xử lý theo quy định kiểm soát môi trường của địa phương.
2. Xếp loại nguy hiểm rác thải: Chưa áp dụng
3. Biện Pháp tiêu hủy: Chưa áp dụng
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Chưa áp dụng

### XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN:

Phân loại theo tiêu chuẩn DOT : Loại 3: Chất dễ cháy  
Nhận dạng : Acetone UNNA: 1090 PG: II  
Điều khoản đặc biệt cho việc vận chuyển : Không áp dụng.

### XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Những quy định của địa phương sở tại: Chưa áp dụng

2. Những quy định khác:

**OSHA:** Sự nguy hại được định nghĩa bởi Hardzad Communication Standard ( 29 CFR 1910.1200).

3. Những sự phân loại khác:

#### **WHMIS (Canada):**

**CLASS B-2:** Dung dịch dễ cháy với điểm chớp cháy nhỏ hơn 37.8 độ C (100 độ F). **CLASS D-2B:** Vật liệu gây ra các độc tính (TOXIC)

#### **DSCL (EEC):**

**R11** – chất dễ cháy. **R36**- gây kích ứng mắt. **S9**- Giữ nơi khô thoáng. **S16**- Giữ xa nguồn lửa – Không hút thuốc. **S26**- Trường hợp rơi vào mắt, rửa mắt lập tức với thật nhiều nước và chăm sóc y tế kịp thời.

#### **HMIS (U>S>A):**

Độ nguy hiểm cho sức khỏe : 2

Độ nguy hiểm kích thích: 3

Phản ứng : 0

Bảo vệ cá nhân: h

#### **Hiệp Hội Phòng Cháy Quốc Tế (U.S.A):**

Độ nguy hiểm cho sức khỏe : 2

Độ nguy hiểm kích thích: 3

Phản ứng : 0

Nguy hiểm đặc biệt khác:

#### **Dụng cụ bảo hộ:**

Găng tay, áo khoác phòng thí nghiệm, mặt nạ phòng độc. Bảo đảm dung đúng loại mặt nạ được chứng nhận hoặc dụng cụ tương đương phù hợp. Mang mặt nạ phù hợp ở nơi thông thoáng là chưa đủ. Phải kèm kính bảo hộ.